

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 297/2021/HS-PT

Ngày 16 - 12 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2021/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thanh T; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2021/HS-ST ngày 12-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Thanh T, sinh năm 1986 tại Quảng Trị; Giấy chứng minh nhân dân số: 19721157x, do Công an tỉnh Quảng Trị cấp ngày 25-9-2018; nơi đăng ký thường trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú (có xác nhận tạm trú): Tổ Q, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình L và bà Nguyễn Thị N; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn; có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Nguyễn Trọng T, không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Lê Thanh T là lái xe của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nhà máy sản xuất cồn L (*sau đây, gọi tắt là Công ty L*). T có nhiệm vụ vận chuyển cồn, từ nhà máy ở xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đến kho cồn tại Cảng G, thuộc địa phận xã P, huyện L. Trong quá trình vận chuyển, T nảy sinh ý định trộm cắp cồn, để bán lấy tiền tiêu xài.

Ngày 19/7/2020, T được Công ty L giao nhiệm vụ điều khiển xe ô tô biển số 29C-687.5x, kéo theo rơ-móc biển số 29R-007.5x, chở 30.310kg cồn nhiên liệu sinh học 99°, từ nhà máy đến Cảng G. Lúc 09 giờ 30 phút, T gọi điện thoại cho Nguyễn Trọng T (thủ kho của Công ty L), để bàn về việc trộm cắp cồn và được Nguyễn Trọng T đồng ý. Nguyễn Trọng T nói với T chuẩn bị một chai cồn mẫu bơm từ nhà máy, để trên nóc xe bồn; T điều khiển xe chở cồn đến thành phố L thì gọi điện thoại cho Tr (không rõ lai lịch) do T quen từ trước, để thỏa thuận việc mua bán cồn, Tr đồng ý mua cồn với giá 2.000.000 đồng/01 thùng phi (loại 200 lít) và nói T khi nào đến xã P, huyện L thì gọi điện thoại cho Tr. Đến 12 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến xã P và được Tr đón đến khu vực bãi xe của Công ty P (Áp E, xã P, huyện L), T đậu xe ở bên ngoài bãi xe, Tr bơm 15 phi cồn tương đương 3.000 lít; sau đó, Tr bơm nước vào bồn cho đủ số lượng ban đầu và đưa cho T 30.000.000 đồng tiền mua cồn. Sau khi bán cồn xong, T điều khiển xe về kho của Công ty L tại Cảng G, Nguyễn Trọng T lấy chai cồn mẫu trên nóc xe bồn do T chuẩn bị trước và làm thủ tục nhập kho; T chia cho Nguyễn Trọng T 15.000.000 đồng tiền bán cồn.

Quá trình kiểm tra chất lượng cồn, Công ty L phát hiện số cồn nhập kho không đúng tiêu chuẩn, nên kiểm tra giám sát hành trình, phát hiện xe do T điều khiển đi không đúng lộ trình, nên báo Trạm Biên phòng Cửa khẩu Cảng G lập biên bản và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L xử lý.

2. Định giá:

Kết luận định giá tài sản số: 72/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2020 của Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: 3.000 lít dung dịch cồn nhiên liệu sinh học 99° có trị giá 53.426.250 đồng.

3. Vật chứng:

01 điện thoại Nokia 150, 01 điện thoại Nokia 105 và số tiền 30.000.000 đồng các bị cáo giao nộp.

4. Dân sự:

Tại cấp sơ thẩm, các bị cáo Lê Thanh T và Nguyễn Trọng T, đã thỏa thuận bồi thường xong cho Công ty L với số tiền 53.426.250 đồng. Công ty L không có yêu cầu bồi thường nào khác và có đơn “bãi nại” cho các bị cáo.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2021/HS-ST ngày 12-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện L, đã quyết định như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh T và Nguyễn Trọng T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về việc thi hành án treo, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

6. Kháng cáo:

Ngày 17-3-2021, bị cáo Lê Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị được hưởng án treo.

7. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp một số tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Vì lý do dịch bệnh Covid-19, bị cáo Lê Thanh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về tội danh:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại và được bị hại làm đơn “bãi nại”. Áp dụng cho bị cáo điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Kèm theo đơn kháng cáo, bị cáo có cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, thể hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo là lao động chính và duy nhất, phải nuôi dưỡng 03 người thân trong gia đình. Áp dụng cho bị cáo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

3.3. Về hình phạt:

Bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; ngoài lần phạm tội này, luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo có đủ điều kiện, để được hưởng án treo; do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh T;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2021/HS-ST ngày 12-3-2021 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 16-12-2021.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo, phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Giao bị cáo Lê Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo.

- Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí:

Bị cáo Lê Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trọng T, biện pháp tư pháp và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại (địa chỉ theo hồ sơ);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện L;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện L;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

